



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh/Doanh nghiệp số**

1600192619

ngày 27 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 1600192619 ngày 9 tháng 11 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Văn Thôn
Ông Nguyễn Mỹ
Ông Lê Phước Đức

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
(đến ngày 28 tháng 4 năm 2017)

Ông Nguyễn Tiến Tùng
Ông Võ Văn Á
Bà Nguyễn Thị Âm
Ông Phạm Thanh Thọ
Ông Trần Quốc Thanh
Bà Thủy Vũ Dropsey

Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 29 tháng 4 năm 2017)

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Thành viên
(đến ngày 28 tháng 4 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Thôn
Ông Nguyễn Mỹ
Ông Lê Phước Đức

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 26 tháng 2 năm 2017)
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 26 tháng 2 năm 2017)

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Ban Kiểm soát

Ông Trần Tiến Dũng
Bà Lê Thu Hiền

Trưởng Ban Kiểm soát
Phó Trưởng Ban Kiểm soát
(đến ngày 1 tháng 1 năm 2018)

Ông Phan Bá Ngọc Phương
Bà Võ Thị Thùy Tiên
Ông Huỳnh Thanh Nhuận

Thành viên
Thành viên
Thành viên
(đến ngày 28 tháng 4 năm 2017)

Trụ sở đăng ký

Số 23, Đường Hà Hoàng Hồ
Phường Mỹ Xuyên
Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 53 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Thôn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 53.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Báo cáo Kiểm toán số: 17-01-618(C)

Hà Vũ Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND (Đã phân loại lại) |
|--|--------------|--------------------|---------------------------|--|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 4.760.183.024.468 | 4.270.434.338.723 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 116.332.669.695 | 278.935.723.403 |
| Tiền | 111 | | 96.332.669.695 | 278.935.723.403 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 20.000.000.000 | - |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 27.301.568.917 | 25.000.000.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 13(a) | 27.301.568.917 | 25.000.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 2.381.391.754.574 | 1.733.262.752.136 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 2.295.917.546.041 | 1.721.567.399.228 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 45.903.670.341 | 61.689.194.088 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 7 | 215.778.493.468 | 101.678.865.652 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 8 | (176.207.955.276) | (151.672.706.832) |
| Hàng tồn kho | 140 | 9 | 2.148.495.714.628 | 2.170.130.746.170 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 2.148.631.301.113 | 2.193.188.187.587 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (135.586.485) | (23.057.441.417) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 86.661.316.654 | 63.105.117.014 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 14(a) | 9.149.380.709 | 10.456.326.990 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 76.499.361.366 | 52.363.530.586 |
| Thuế phải thu Nhà nước | 153 | 18(b) | 1.012.574.579 | 285.259.438 |
| Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 1.827.441.775.033 | 1.888.670.450.306 |
| Tài sản cố định | 220 | | 1.556.364.683.082 | 1.562.659.287.704 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 1.204.747.263.983 | 1.224.862.955.176 |
| Nguyên giá | 222 | | 1.798.011.170.942 | 1.693.103.145.091 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (593.263.906.959) | (468.240.189.915) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 351.617.419.099 | 337.796.332.528 |
| Nguyên giá | 228 | | 358.779.139.181 | 341.529.532.062 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (7.161.720.082) | (3.733.199.534) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 109.612.294.436 | 176.300.536.749 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 12 | 109.612.294.436 | 176.300.536.749 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|---------------------------------------|--------------|--------------------|---------------------------|--------------------------|
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 33.185.650.000 | 202.000.000 |
| Đầu tư vào công ty liên kết | 252 | 13(b) | 32.983.650.000 | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 202.000.000 | 202.000.000 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 128.279.147.515 | 149.508.625.853 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 14(b) | 111.695.869.353 | 131.689.732.959 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 15 | 16.273.906.826 | 17.447.647.291 |
| Lợi thế thương mại | 269 | 16 | 309.371.336 | 371.245.603 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 6.587.624.799.501 | 6.159.104.789.029 |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 4.244.379.553.410 | 3.983.092.975.788 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 3.984.022.325.397 | 3.857.391.295.142 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 17 | 1.401.430.094.970 | 1.545.244.521.352 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 10.746.429.594 | 43.290.512.554 |
| Thuế phải nộp Nhà nước | 313 | 18(a) | 176.776.302.934 | 78.152.281.955 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 38.775.116.156 | 44.128.012.188 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 19 | 116.656.660.944 | 62.282.358.161 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 20 | 56.326.182.904 | 130.940.331.908 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 21(a) | 2.145.831.642.711 | 1.905.444.686.305 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 22 | 37.479.895.184 | 47.908.590.719 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 260.357.228.013 | 125.701.680.646 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | | 1.590.000.000 | 1.690.000.000 |
| Vay dài hạn và trái phiếu phát hành | 338 | 21(b) | 220.000.000.000 | 73.721.650.000 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 23 | 38.767.228.013 | 50.290.030.646 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| VÓN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 2.343.245.246.091 | 2.176.011.813.241 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 24 | 2.343.245.246.091 | 2.176.011.813.241 |
| Vốn cổ phần | 411 | 25 | 671.611.500.000 | 671.611.500.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 278.073.000.000 | 278.073.000.000 |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | 738.394.795 | 375.981.959 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 759.424.612.054 | 685.861.374.028 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 174.238.330.361 | 179.556.267.456 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 434.338.213.287 | 334.859.555.015 |
| - <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i> | 421a | | 334.859.555.015 | 282.317.345.691 |
| - <i>Chi trả cổ tức</i> | 421a | | (201.483.450.000) | (201.483.450.000) |
| - <i>Trích lập và hoàn nhập các quỹ</i> | 421a | | (144.961.800.532) | (93.002.407.702) |
| - <i>LNST chưa phân phối năm nay</i> | 421b | | 445.923.908.804 | 347.028.067.026 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 24.821.195.594 | 25.674.134.783 |
| TỔNG NGUỒN VÓN (440 = 300 + 400) | 440 | | 6.587.624.799.501 | 6.159.104.789.029 |

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Tấn Hoàng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2017 VND | 2016 VND (Đã phân loại lại) |
|---|-----------|-------------|--------------------------|-----------------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 28 | 8.982.963.181.896 | 8.001.622.093.866 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 28 | 296.143.487.126 | 218.573.334.191 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | 28 | 8.686.819.694.770 | 7.783.048.759.675 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 29 | 6.805.812.638.634 | 6.201.421.311.086 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11) | 20 | | 1.881.007.056.136 | 1.581.627.448.589 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 30 | 14.901.747.482 | 24.944.044.402 |
| Chi phí tài chính | 22 | 31 | 135.988.659.236 | 149.850.648.969 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>118.815.409.284</i> | <i>114.939.772.220</i> |
| Chi phí bán hàng | 25 | 32 | 889.316.226.606 | 704.459.840.833 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 33 | 320.702.727.446 | 316.064.070.960 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {(30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 549.901.190.330 | 436.196.932.229 |
| Thu nhập khác | 31 | 34 | 19.753.722.469 | 30.130.684.211 |
| Chi phí khác | 32 | | 2.961.864.164 | 2.674.080.113 |
| Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 16.791.858.305 | 27.456.604.098 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 566.693.048.635 | 463.653.536.327 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 36 | 119.400.748.107 | 115.665.458.038 |
| Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại | 52 | 36 | 1.173.740.465 | (755.162.302) |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau) | 60 | | 446.118.560.063 | 348.743.240.591 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2017 VND | 2016 VND |
|--|----------|----------------|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang) | 60 | | 446.118.560.063 | 348.743.240.591 |
| Phân bổ: | | | | |
| Chủ sở hữu của Công ty | 61 | | 445.923.908.804 | 347.028.067.026 |
| Cổ đông không kiểm soát | 62 | | 194.651.259 | 1.715.173.565 |
| Lãi trên cổ phiếu | | | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 37 | 5.644 | 4.392 |

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Tân Hoàng
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Huyền Văn Thôn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2017 VND | 2016 VND |
|---|-----------|----------------|--------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | | 566.693.048.635 | 463.653.536.327 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 136.205.684.873 | 122.411.203.837 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | (8.598.745.787) | 38.763.692.651 |
| (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (797.035.559) | 8.733.938.594 |
| Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định | 05 | | 1.189.260.797 | (14.216.711.852) |
| Thu nhập lãi tiền gửi | 05 | | (3.966.439.767) | (3.324.779.075) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 118.815.409.284 | 114.939.772.220 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 809.541.182.476 | 730.960.652.702 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | | (696.898.308.391) | (159.114.156.015) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | 44.556.886.474 | 502.234.977.801 |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | | (85.215.187.548) | 227.752.122.955 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | | 23.927.619.162 | (2.303.108.235) |
| | | | 95.912.192.173 | 1.299.530.489.208 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (111.128.308.562) | (116.194.473.006) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (59.106.674.048) | (8.927.128.592) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (88.534.132.630) | (114.122.976.759) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (162.856.923.067) | 1.060.285.910.851 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã | Thuyết | 2017 | 2016 |
|--|-----------|---------------|-------------------------|--------------------------|
| | số | minh | VND | VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | | (85.761.970.575) | (162.810.445.751) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 22 | | 18.784.936.832 | 17.886.173.370 |
| Tiền chi cho tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | 23 | | (82.301.568.917) | (214.000.000.000) |
| Tiền từ thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | 24 | | 80.000.000.000 | 189.000.000.000 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 25 | | (32.983.650.000) | (162.000.000) |
| Tiền thu từ bán khoản đầu tư dài hạn | | | - | 9.881.000.000 |
| Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức | 27 | | 3.422.836.329 | 3.324.779.075 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (98.839.416.331) | (156.880.493.306) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con | 31 | | 2.000.000.000 | 3.000.934.000 |
| Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu | 33 | | 5.861.724.293.592 | 4.668.991.943.666 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (5.474.627.612.186) | (5.396.361.288.454) |
| Tiền chi trả cổ tức cho chủ sở hữu của Công ty | 36 | | (289.188.903.500) | (89.398.395.000) |
| Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát | 36 | | (1.201.317.963) | (1.182.392.893) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 98.706.459.943 | (814.949.198.681) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

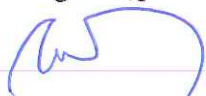
Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2017 VND | 2016 VND |
|--|-------|-------------|-------------------|-----------------|
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | (162.989.879.455) | 88.456.218.864 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | | 278.935.723.403 | 190.191.854.524 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền | 61 | | 24.412.911 | 344.504.678 |
| Ảnh hưởng của quy đổi hoạt động ở nước ngoài | 61 | | 362.412.836 | (56.854.663) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | 5 | 116.332.669.695 | 278.935.723.403 |

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

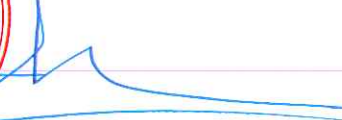
Người lập:



Nguyễn Tân Hoàng
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh thuốc trừ sâu; sản xuất và kinh doanh phân bón; nghiên cứu và sản xuất giống cây trồng; cung cấp dịch vụ trồng trọt; sản xuất giấy và bao bì từ giấy và bìa; sản xuất và bán buôn gạo, thực phẩm; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; xây dựng và kinh doanh bất động sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 13 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2017: 13 công ty con), chi tiết như sau:

| | Hoạt động chính | Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết | |
|---|---|---|----------|
| | | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
| Công ty con | | | |
| Công ty Bảo vệ thực vật An Giang – Campuchia | Kinh doanh thuốc trừ sâu | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình | Sản xuất và bán buôn gạo | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn | Sản xuất và bán buôn gạo | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng | Sản xuất và bán buôn gạo | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng | Sản xuất và bán buôn gạo | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc | Sản xuất và bán buôn gạo | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An (*) | Sản xuất và bán buôn gạo | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ An Thịnh Điền (*) | Sản xuất và kinh doanh phân bón | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Cà phê Hương Vị Trời | Sản xuất và bán buôn cà phê | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh | Nghiên cứu và sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao | 76,51% | 76,51% |
| Công ty TNHH Trích ly dầu cám Vĩnh Hòa (*) | Trích ly dầu cám | 60% | 60% |
| Công ty Cổ phần Lộc Trời Miền Bắc | Kinh doanh thuốc trừ sâu, phân bón và gạo | 60% | 60% |
| Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang | Xây dựng và kinh doanh bất động sản | 50,44% | 50,44% |
| Công ty liên kết | | | |
| Công ty Cổ phần Lion Agrevo | Kinh doanh thuốc trừ sâu | 29,91% | - |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn vẫn chưa góp vốn vào các công ty này. Các công ty này đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 3.412 nhân viên (1/1/2017: 3.549 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết (đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyên khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

| <i>Thời gian quá hạn</i> | <i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i> |
|---|---------------------------------|
| Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm | 30% |
| Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm | 50% |
| Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm | 70% |
| Từ ba (03) năm trở lên | 100% |

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 – 12 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 10 năm |

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất từ 30 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 2 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 10 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc cổ phần hóa Công ty theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 19 tháng 7 năm 2004 và từ việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại khi mua lại công ty con là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng chi phí bảo hành

Khoản dự phòng chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới công trình xây dựng và dịch vụ xây lắp máy đã thực hiện trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các công trình xây dựng và dịch vụ tương tự.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu phát hành được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân phối từ lợi nhuận sau thuế dựa trên tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn.

(r) Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm thực hiện các hoạt động phúc lợi xã hội.

(s) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được xác định dựa trên phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư thu được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(f) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(x) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Thuốc bảo vệ thực vật
- Lương thực – Gạo (bao gồm hoạt động kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và hạt giống cây trồng cho nông dân do mục đích phát triển nguồn nguyên vật liệu cho hoạt động kinh doanh lương thực)
- Hạt giống cây trồng
- Bao bì
- Xây dựng

| | Thuốc bảo vệ thực vật | | Lương thực – Gạo | | Hạt giống cây trồng | | Bao bì | | Xây dựng | | Loại trừ | | Hợp nhất | | |
|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|--------------------------|
| | 2017 VND | 2016 VND | 2017 VND | 2016 VND | 2017 VND | 2016 VND | 2017 VND | 2016 VND | 2017 VND | 2016 VND | 2017 VND | 2016 VND | 2017 VND | 2016 VND | |
| Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài | 5.157.146.521.536 | 4.728.380.430.155 | 2.532.824.867.734 | 2.241.024.610.990 | 782.343.104.118 | 568.018.781.819 | 151.920.272.330 | 163.777.575.433 | 62.584.929.052 | 81.847.361.278 | - | - | - | 8.686.819.694.770 | 7.783.048.759.675 |
| Doanh thu giữa các bộ phận | 197.222.133.252 | 248.499.180.656 | 2.702.246.279.814 | 2.006.644.744.334 | 56.713.942.991 | 88.725.158.222 | 15.353.045.681 | 18.072.763.533 | 4.023.616.277 | 6.932.663.838 | (2.975.559.018.015) | (2.368.874.510.583) | (2.975.559.018.015) | (2.368.874.510.583) | - |
| Tổng doanh thu của bộ phận | 5.354.368.654.788 | 4.976.879.610.811 | 5.235.071.147.548 | 4.247.669.355.324 | 839.057.047.109 | 656.743.940.041 | 167.273.318.011 | 181.850.338.966 | 66.608.545.329 | 88.780.025.116 | (2.975.559.018.015) | (2.368.874.510.583) | (2.975.559.018.015) | (2.368.874.510.583) | 8.686.819.694.770 |
| Lợi nhuận gộp của bộ phận | 1.540.001.247.050 | 1.381.238.910.044 | 120.135.673.007 | 75.854.949.875 | 174.627.548.099 | 78.679.606.928 | 29.242.265.633 | 31.503.268.934 | 14.370.022.778 | 12.999.843.806 | 2.630.299.569 | 1.350.869.002 | 1.881.007.056.136 | 1.581.627.448.589 | (1.331.105.865.806) |

Chi phí không phân bổ, thuần

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh

Thu nhập khác không phân bổ

Chi phí khác không phân bổ

Thuế thu nhập doanh nghiệp không phân bổ

Lợi nhuận thuần sau thuế

| | | |
|--|---------------------|---------------------|
| | (1.331.105.865.806) | (1.179.716.130.361) |
| | 549.901.190.330 | 436.196.932.229 |
| | 19.753.722.469 | 30.130.684.211 |
| | (2.961.864.164) | (2.674.080.113) |
| | (120.574.488.572) | (114.910.295.736) |
| | 446.118.560.063 | 348.743.240.591 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Thuế bảo vệ thực vật | | Lương thực - Gạo | | Hạt giống cây trồng | | Bao bì | | Xây dựng | | Hợp nhất | |
|--|--------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|---------------------|-----------------|-----------------|-----------------|----------------|----------------|--------------------------|--------------------------|
| | 31/12/2017 | 1/1/2017 | 31/12/2017 | 1/1/2017 | 31/12/2017 | 1/1/2017 | 31/12/2017 | 1/1/2017 | 31/12/2017 | 1/1/2017 | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
| Tài sản của bộ phận | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tài sản không phân bổ | 3.581.881.041.376 | 2.733.284.131.993 | 1.985.165.901.043 | 2.303.182.327.476 | 643.874.807.809 | 536.663.696.566 | 147.391.331.848 | 181.004.438.349 | 40.815.732.126 | 51.087.315.899 | 188.495.985.299 | 5.805.221.910.283 |
| Tổng tài sản | 6.587.624.799.501 | | | | | | | | | | | 6.159.104.789.029 |
| Nợ phải trả của bộ phận | 959.900.423.934 | 966.471.951.945 | 355.645.317.928 | 486.053.922.958 | 147.868.450.020 | 103.217.116.580 | 27.554.773.715 | 50.159.474.131 | 13.545.482.876 | 22.229.924.724 | 1.504.514.448.473 | 1.628.132.390.338 |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | | | | | | | | | 2.739.865.104.937 | 2.354.960.585.450 |
| Tổng nợ phải trả | 959.900.423.934 | | | | | | | | | | 4.244.379.553.410 | 3.983.092.975.788 |
| Chi tiêu vốn | 57.207.553.986 | 75.445.538.758 | 14.910.348.126 | 54.039.297.277 | 8.615.499.820 | 28.947.013.370 | 3.070.669.068 | 3.585.608.698 | 1.957.899.575 | 792.987.648 | 85.761.970.575 | 162.810.445.751 |
| Khấu hao tài sản cố định | 34.884.090.377 | 28.987.981.396 | 71.024.275.124 | 64.640.733.474 | 14.089.132.925 | 14.371.933.086 | 9.906.312.014 | 9.744.460.522 | 2.811.470.618 | 3.051.977.433 | 132.715.290.058 | 120.797.105.911 |
| Khấu hao tài sản cố định vô hình và lợi thế thương mại | 988.523.548 | 1.186.367.055 | 2.331.715.240 | 257.574.844 | 108.281.760 | 108.281.760 | - | - | 61.874.267 | 61.874.267 | 3.490.394.815 | 1.614.097.926 |

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Doanh thu của Tập đoàn được phân chia theo khu vực địa lý (vị trí địa lý của khách hàng) như sau:

| | Việt Nam | | Châu Á (trừ Việt Nam) | | Các khu vực khác | | Hợp nhất | |
|--|-------------------|-------------------|-----------------------|-----------------|-------------------|-----------------|-------------------|-------------------|
| | 2017 | 2016 | 2017 | 2016 | 2017 | 2016 | 2017 | 2016 |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài | 7.579.504.845.429 | 7.002.275.251.141 | 1.020.588.915.925 | 701.756.650.125 | 86.725.933.416 | 79.016.858.409 | 8.686.819.694.770 | 7.783.048.759.675 |
| Chi tiêu vốn không phân bổ | | | | | | | 85.761.970.575 | 162.810.445.751 |
| Tài sản của bộ phận không phân bổ | 31/12/2017 | 1/1/2017 | 31/12/2017 | 1/1/2017 | 31/12/2017 | 1/1/2017 | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| | 6.587.624.799.501 | 6.159.104.789.029 | | | | | | |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 22.751.312.483 | 13.861.235.896 |
| Tiền gửi ngân hàng | 73.477.849.212 | 265.074.487.507 |
| Tiền đang chuyển | 103.508.000 | - |
| Các khoản tương đương tiền | 20.000.000.000 | - |
| Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 116.332.669.695 | 278.935.723.403 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tiền gửi ngân hàng với giá trị ghi sổ là 8.451 triệu VND (1/1/2017: 49.585 triệu VND) được thế chấp cho các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 21(b)).

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND (Đã phân loại lại) |
|------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|
| Phạm Duy Dương | 19.954.036.477 | 3.832.997.460 |
| Quan Yi Limited | 15.524.429.439 | - |
| Medalla Rice Mill | 13.987.740.000 | - |
| Nguyễn Văn Quang | 11.819.031.210 | 4.800.059.400 |
| Công ty TNHH TM-DV Kim Ngoan | 11.529.805.260 | 9.725.180.670 |
| Các khách hàng khác | 2.223.102.503.655 | 1.703.209.161.698 |
| | 2.295.917.546.041 | 1.721.567.399.228 |

7. Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND (Đã phân loại lại) |
|--|------------------------|---------------------------------------|
| Phải thu từ chiết khấu mua hàng được hưởng | 98.101.045.899 | 3.635.123.680 |
| Tạm ứng cho người lao động | 48.051.486.159 | 44.978.894.879 |
| Phải thu Nhà nước từ cổ phần hóa | 13.148.729.781 | 13.148.729.781 |
| Phải thu hỗ trợ từ đối tác | 8.872.911.819 | - |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 2.308.454.530 | 946.943.908 |
| Phải thu lãi tiền gửi | 543.603.438 | - |
| Phải thu khác | 44.752.261.842 | 38.969.173.404 |
| | 215.778.493.468 | 101.678.865.652 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | 31/12/2017 | | | 1/1/2017 | | | | |
|----------------------------------|--------------------|------------------------|--------------------------|----------------------------------|--------------------|------------------------|--------------------------|----------------------------------|
| | Số ngày quá hạn | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Số ngày quá hạn | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi VND |
| Nợ quá hạn | | | | | | | | |
| Nguyễn Minh Hùng | Trên 3 năm | 11.231.443.002 | (11.231.443.002) | - | Từ 2 đến 3 năm | 11.321.143.002 | (4.548.487.978) | 6.772.655.024 |
| Nguyễn Thị Mộng Tuyền | Trên 3 năm | 9.602.557.225 | (6.590.690.058) | 3.011.867.167 | Từ 2 đến 3 năm | 9.627.213.509 | (4.813.606.755) | 4.813.606.754 |
| Đình Thị Phương | Trên 3 năm | 9.318.582.005 | (6.733.082.005) | 2.585.500.000 | Từ 2 đến 3 năm | 9.318.580.825 | (5.982.492.538) | 3.336.088.287 |
| Công ty TNHH Thiên Thủy Dương | Trên 3 năm | 7.149.945.350 | (7.149.945.350) | - | Trên 3 năm | 11.195.607.350 | (11.195.607.350) | - |
| Lê Tam Quốc | Trên 3 năm | 7.275.487.847 | (7.125.487.847) | 150.000.000 | Trên 3 năm | 7.275.487.847 | (7.275.487.847) | - |
| Võ Văn Nam | Trên 3 năm | 6.700.573.077 | (6.700.573.077) | - | Trên 3 năm | 6.740.573.077 | (6.740.573.077) | - |
| Nguyễn Văn Thao | Trên 3 năm | 5.618.309.205 | (5.198.309.205) | 420.000.000 | Trên 3 năm | 5.618.309.205 | (5.198.309.205) | 420.000.000 |
| Đỗ Thị Trinh | Trên 3 năm | 4.186.341.351 | (3.943.341.351) | 243.000.000 | Từ 2 đến 3 năm | 4.186.341.351 | (3.743.341.351) | 443.000.000 |
| Trần Xuân Mai | Trên 3 năm | 3.890.358.320 | (3.890.358.320) | - | Trên 3 năm | 4.011.763.320 | (4.011.763.320) | - |
| Nguyễn Văn Trung | Từ 2 đến 3 năm | 4.565.176.319 | (3.195.623.423) | 1.369.552.896 | Từ 1 đến 2 năm | 5.265.176.319 | - | 5.265.176.319 |
| Các khách hàng khác | | 288.125.173.359 | (114.449.101.638) | 173.676.071.721 | | 210.860.345.568 | (98.163.037.411) | 112.697.308.157 |
| | | 357.663.947.060 | (176.207.955.276) | 181.455.991.784 | | 285.420.541.373 | (151.672.706.832) | 133.747.834.541 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

| | 2017 | 2016 |
|------------------------------|------------------|------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 151.672.706.832 | 114.549.076.758 |
| Trích lập dự phòng trong năm | 35.920.828.113 | 50.699.475.726 |
| Sử dụng dự phòng trong năm | - | (4.400.305) |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (11.385.579.669) | (13.571.445.347) |
| | 176.207.955.276 | 151.672.706.832 |
| Số dư cuối năm | 176.207.955.276 | 151.672.706.832 |

9. Hàng tồn kho

| | 31/12/2017 | | 1/1/2017 | |
|------------------------|-------------------|-----------------|-------------------|------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Hàng mua đang đi đường | 40.577.445.600 | - | 19.020.874.159 | - |
| Nguyên vật liệu | 472.708.936.696 | - | 638.468.759.890 | (4.315.351.762) |
| Công cụ và dụng cụ | 6.981.242.746 | - | 11.297.971.344 | - |
| Sản phẩm dở dang | 22.578.145.470 | - | 41.387.799.770 | - |
| Thành phẩm | 376.521.472.178 | (135.586.485) | 515.508.820.637 | (18.742.089.655) |
| Hàng hóa | 1.215.033.240.683 | - | 949.254.152.872 | - |
| Hàng gửi đi bán | 14.230.817.740 | - | 18.249.808.915 | - |
| | 2.148.631.301.113 | (135.586.485) | 2.193.188.187.587 | (23.057.441.417) |
| | 2.148.631.301.113 | (135.586.485) | 2.193.188.187.587 | (23.057.441.417) |

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 304 triệu VND thành phẩm (1/1/2017: 291.572 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

| | 2017 | 2016 |
|------------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 23.057.441.417 | 11.299.400.663 |
| Trích lập dự phòng trong năm | 134.028.485 | 20.941.045.047 |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (23.055.883.417) | (9.183.004.293) |
| | 135.586.485 | 23.057.441.417 |
| Số dư cuối năm | 135.586.485 | 23.057.441.417 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá | Nhà cửa VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Thiết bị văn phòng VND | Tổng VND |
|---|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------------|
| Số dư đầu năm | 709.431.548.598 | 674.914.758.400 | 286.397.075.203 | 22.359.762.890 | 1.693.103.145.091 |
| Tăng trong năm | 982.686.427 | 12.094.054.624 | 9.858.658.611 | 76.357.433 | 23.011.757.095 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý | 58.840.675.724 (5.257.751.950) | 25.089.499.075 (5.161.304.824) | 10.452.522.139 (7.126.833.769) | 5.059.462.361 - | 99.442.159.299 (17.545.890.543) |
| Số dư cuối năm | 763.997.158.799 | 706.937.007.275 | 299.581.422.184 | 27.495.582.684 | 1.798.011.170.942 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 123.388.202.985 | 196.768.543.520 | 134.833.493.117 | 13.249.950.293 | 468.240.189.915 |
| Khấu hao trong năm | 36.222.199.798 | 63.591.883.814 (1.663.343.860) | 30.427.360.256 (6.028.229.154) | 2.473.846.190 - | 132.715.290.058 (7.691.573.014) |
| Số dư cuối năm | 159.610.402.783 | 258.697.083.474 | 159.232.624.219 | 15.723.796.483 | 593.263.906.959 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu năm | 586.043.345.613 | 478.146.214.880 | 151.563.582.086 | 9.109.812.597 | 1.224.862.955.176 |
| Số dư cuối năm | 604.386.756.016 | 448.239.923.801 | 140.348.797.965 | 11.771.786.201 | 1.204.747.263.983 |

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 100.394 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 89.139 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 708.279 triệu VND được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn (1/1/2017: 767.706 triệu VND) (Thuyết minh 21(b)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy vi tính VND | Tổng VND |
|-------------------------------------|--------------------------------------|---|------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 330.903.094.258 | 10.626.437.804 | 341.529.532.062 |
| Tăng trong năm | - | 81.900.000 | 81.900.000 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 15.213.984.558 | 4.868.914.500 | 20.082.899.058 |
| Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn | 7.204.688.161 | - | 7.204.688.161 |
| Thanh lý | (10.119.880.100) | - | (10.119.880.100) |
| Phân loại lại | 3.955.481.818 | (3.955.481.818) | - |
| Số dư cuối năm | 347.157.368.695 | 11.621.770.486 | 358.779.139.181 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 504.619.263 | 3.228.580.271 | 3.733.199.534 |
| Khấu hao trong năm | 2.404.294.931 | 1.024.225.617 | 3.428.520.548 |
| Số dư cuối năm | 2.908.914.194 | 4.252.805.888 | 7.161.720.082 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu năm | 330.398.474.995 | 7.397.857.533 | 337.796.332.528 |
| Số dư cuối năm | 344.248.454.501 | 7.368.964.598 | 351.617.419.099 |

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 1.911 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 1.407 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 các tài sản cố định vô hình có giá trị sổ sách là 24.810 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu phát hành bởi Tập đoàn (Thuyết minh 21(b)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

| | 2017 VND | 2016 VND |
|---------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 176.300.536.749 | 203.185.750.236 |
| Tăng trong năm | 62.668.313.480 | 96.745.479.342 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (99.442.159.299) | (61.834.441.714) |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình | (20.082.899.058) | (2.597.582.000) |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | (9.831.497.436) | (58.735.071.898) |
| Thanh lý | - | (463.597.217) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 109.612.294.436 | 176.300.536.749 |

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|---|---------------------------------|-------------------------------|
| Nhà máy sản xuất gạo | 54.176.704.507 | 54.741.441.970 |
| Nhà máy thuốc Châu Thành | 13.461.274.712 | 32.203.272.958 |
| Nhà máy sản xuất phân bón Ân Thịnh Điền | 2.592.735.754 | 30.131.002.149 |
| Hệ thống máy ủ hạt giống | 18.211.925.120 | 17.560.236.232 |
| Nhà máy chế biến hạt giống Trảng Bàng | 646.294.486 | 7.505.705.402 |
| Nâng cấp các trại sản xuất giống | 4.149.040.698 | 5.734.259.266 |
| Các dự án khác | 16.374.319.159 | 28.424.618.772 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 109.612.294.436 | 176.300.536.749 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 54.176 triệu VND (1/1/2017: 54.741 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 21(b)).

13. Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất năm từ 8,7% đến 9% (1/1/2017: từ 8,7% đến 9%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

| Ngày 31 tháng 12 năm 2017 | % sở hữu/ quyền biểu quyết | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị hợp lý VND |
|---|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Đầu tư vào công ty liên kết Công ty Cổ phần Lion Agrevo | 29,91% | 32.983.650.000 | (*) |

Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh 29,91% cổ phần của Công ty Cổ phần Lion Agrevo được Tập đoàn mua vào ngày 28 tháng 8 năm 2017.

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

14. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|----------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Phí bảo hiểm trả trước | 475.060.866 | 1.474.289.643 |
| Chi phí thuê hoạt động trả trước | 2.610.068.141 | 3.732.310.510 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 6.064.251.702 | 5.249.726.837 |
| | 9.149.380.709 | 10.456.326.990 |

(b) Chi phí trả trước dài hạn

| | Chi phí đất trả trước VND | Công cụ và dụng cụ VND | Tổng VND |
|-------------------------------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm | 65.650.670.006 | 66.039.062.953 | 131.689.732.959 |
| Tăng trong năm | 2.261.439.070 | 26.656.884.078 | 28.918.323.148 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | - | 9.831.497.436 | 9.831.497.436 |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình | (7.204.688.161) | - | (7.204.688.161) |
| Phân bổ trong năm | (4.123.989.538) | (47.415.006.491) | (51.538.996.029) |
| Số dư cuối năm | 56.583.431.377 | 55.112.437.976 | 111.695.869.353 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

| | Thuế suất | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|---|------------------|---------------------------|-------------------------|
| <i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i> | | | |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 20% | 7.120.894.507 | 6.831.871.097 |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc | 20% | 7.719.822.269 | 9.439.344.821 |
| Lợi nhuận chưa thực hiện | 20% | 1.433.190.050 | 873.949.823 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 20% | - | 302.481.550 |
| | | 16.273.906.826 | 17.447.647.291 |

16. Lợi thế thương mại

| | VND |
|-------------------------------|----------------|
| Giá gốc | |
| Số dư đầu năm/cuối năm | 10.618.742.671 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu năm | 10.247.497.068 |
| Khấu hao trong năm | 61.874.267 |
| Số dư cuối năm | 10.309.371.335 |
| Giá trị ghi sổ | |
| Số dư đầu năm | 371.245.603 |
| Số dư cuối năm | 309.371.336 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá gốc/Số có | Giá gốc/Số có |
| | khả năng trả nợ | khả năng trả nợ |
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Syngenta Việt Nam | 1.109.023.140.120 | 1.254.803.250.645 |
| Công ty Cổ phần Long Hiệp | 51.078.200.250 | 13.292.664.000 |
| Eastchem Co., Ltd | 48.266.758.030 | 66.643.444.780 |
| Dow Agro-Sciences (Malaysia) Sdn Bhd | 45.905.075.000 | 66.246.150.000 |
| Công ty TNHH UPL Việt Nam | 23.174.000.220 | 36.730.284.150 |
| Các nhà cung cấp khác | 123.982.921.350 | 107.528.727.777 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 1.401.430.094.970 | 1.545.244.521.352 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2017 VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã cân trừ trong năm VND | Số được hoàn trong năm VND | Số đã nộp trong năm VND | Phân loại sang thuế phải thu VND | 31/12/2017 VND |
|----------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|---|------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 13.182.243.083 | 633.478.739.178 | (482.417.662.523) | - | (121.528.610.154) | - | 42.714.709.584 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 57.782.240.280 | 119.400.748.107 | - | - | (59.106.674.048) | - | 118.076.314.339 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 7.085.521.249 | 37.649.245.878 | (13.033.847) | 3.446.032.889 | (33.770.462.599) | 7.098.385 | 14.404.401.955 |
| Các loại thuế khác | 102.277.343 | 20.275.161.798 | - | - | (19.516.778.841) | 720.216.756 | 1.580.877.056 |
| | 78.152.281.955 | 810.803.894.961 | (482.430.696.370) | 3.446.032.889 | (233.922.525.642) | 727.315.141 | 176.776.302.934 |

(b) Thuế phải thu Nhà nước

| | 1/1/2017 VND | Phân loại từ thuế phải nộp VND | 31/12/2017 VND |
|-----------------------|--------------------|--------------------------------------|----------------------|
| Thuế thu nhập cá nhân | 282.834.126 | 7.098.385 | 289.932.511 |
| Thuế xuất nhập khẩu | 2.425.312- | 720.216.756 | 722.642.068 |
| | 285.259.438 | 727.315.141 | 1.012.574.579 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|---|-------------------|-----------------|
| Chi phí khuyến mãi bán hàng phải trả cho đại lý | 93.637.819.407 | 52.085.789.616 |
| Chi phí lãi vay | 10.690.148.233 | 3.003.047.511 |
| Hoa hồng môi giới | 6.063.363.100 | - |
| Phí phân phối nhượng quyền thương mại | 2.988.616.200 | 990.593.756 |
| Chi phí hội nghị khách hàng | 572.500.000 | 4.936.307.500 |
| Chi phí phải trả khác | 2.704.214.004 | 1.266.619.778 |
| | 116.656.660.944 | 62.282.358.161 |

20. Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|---|-------------------|-----------------|
| Cổ tức phải trả của Công ty | 25.548.521.500 | 113.253.975.000 |
| Cổ tức phải trả của một công ty con | - | 11.880.963 |
| Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | 12.189.499.087 | 5.307.763.083 |
| Bảo hiểm y tế, xã hội và thất nghiệp phải trả | 2.577.410.667 | 2.210.350.006 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 16.010.751.650 | 10.156.362.856 |
| | 56.326.182.904 | 130.940.331.908 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn

(a) Vay ngắn hạn

| | 1/1/2017 | Biến động trong năm | | 31/12/2017 |
|-----------------------------|--|---------------------|---------------------|--|
| | Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND |
| Vay ngắn hạn | 1.602.710.086.305 | 5.641.724.293.592 | (5.171.830.237.186) | 2.072.254.142.711 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (b) | 302.734.600.000 | 73.577.500.000 | (302.734.600.000) | 73.577.500.000 |
| | 1.905.444.686.305 | 5.715.301.793.592 | (5.474.564.837.186) | 2.145.831.642.711 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

| Bên cho vay | Thuyết minh | Loại tiền | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|---|-------------|-----------|--------------------------|--------------------------|
| Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered Bank (Việt Nam), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh | (i) | VND | 193.695.074.498 | 148.108.653.202 |
| Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh | (ii) | VND | 163.155.986.045 | 92.343.409.950 |
| Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) | (iii) | VND | 147.940.410.286 | 24.458.401.800 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh | (iv) | VND | 275.056.743.794 | 129.408.819.652 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh An Giang | (v) | VND | 335.104.142.931 | 159.934.018.592 |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh | (vi) | VND | 235.433.811.896 | 93.670.367.500 |
| Ngân hàng Mizuho Corporate Bank Ltd, Chi nhánh Hà Nội | (vii) | USD | 227.000.000.000 | 478.002.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Kỳ Đồng | (viii) | VND | 317.810.194.837 | 442.138.234.400 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh An Giang | (ix) | VND | 52.589.299.030 | - |
| Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh | (x) | VND | 124.278.479.394 | 14.025.904.380 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh | (x) | USD | - | 16.913.076.480 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh An Giang | | VND | - | 3.517.200.349 |
| Quỹ Công đoàn | | VND | 190.000.000 | 190.000.000 |
| | | | 2.072.254.142.711 | 1.602.710.086.305 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 19,9 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 3,9% đến 4,8% (1/1/2017: từ 4,5% đến 5,0%).
- (ii) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 15 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm là 4,6% (1/1/2017: 4,9%).
- (iii) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 30 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 3,9% đến 4,0% (1/1/2017: từ 4,5% đến 5,6%).
- (iv) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 550 tỷ VND và chịu lãi suất năm là 5,3% (1/1/2017: từ 4,8% đến 5,0%).
- (v) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 1.000 tỷ VND và chịu lãi suất năm từ 5,3% đến 5,5% (1/1/2017: từ 4,8% đến 5,5%).
- (vi) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 500 tỷ VND và chịu lãi suất năm là 4,8% (1/1/2017: từ 4,8% đến 5,0%).
- (vii) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 14 triệu USD và chịu lãi suất năm là 2,5% (1/1/2017: từ 2,0% đến 2,3%).
- (viii) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 600 tỷ VND và chịu lãi suất năm là 5,1% (1/1/2017: từ 4,6% đến 5,0%).
- (ix) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 100 tỷ VND và chịu lãi suất năm là 5,1%.
- (x) Các khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 25 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 5,1% đến 5,5% cho khoản vay bằng VND (1/1/2017: từ 4,7% đến 4,9% cho khoản vay bằng VND và 2,0% cho khoản vay bằng USD).

(b) Vay dài hạn và trái phiếu phát hành

| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
|---------------------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Vay dài hạn (i) | 73.577.500.000 | 376.456.250.000 |
| Trái phiếu thường (ii) | 220.000.000.000 | - |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 293.577.500.000 | 376.456.250.000 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (73.577.500.000) | (302.734.600.000) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | 220.000.000.000 | 73.721.650.000 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| Bên cho vay | Loại tiền | Năm đáo hạn | Lãi suất năm | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|---|-----------|-------------|--------------|-------------------|-----------------|
| Standard Chartered Bank (Mauritius) Limited (*) Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered Bank (Việt Nam), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (**) | USD | 2018 | 4,5% – 4,8% | 52.777.500.000 | 355.656.250.000 |
| | VND | 2018 | 8,2% | 20.800.000.000 | 20.800.000.000 |
| | | | | 73.577.500.000 | 376.456.250.000 |

(*) Khoản vay này có hạn mức là 34 triệu USD, được bảo đảm bằng tài khoản Thu Tiền Xuất Khẩu và tài khoản Dự Trữ Trả Nợ của Công ty với giá trị ghi sổ là 8.451 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 49.585 triệu VND) (Thuyết minh 5) và động sản với giá trị ghi sổ là 384.953 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 429.339 triệu VND) thuộc về nhà máy xay gạo hiện đang vận hành và nhà máy hình thành trong tương lai của các công ty con sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc; và
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An.

Khoản vay này chịu lãi suất năm bằng chi phí huy động vốn của ngân hàng cộng 3,5%, có thời gian ân hạn 1 năm và được trả hàng quý và kỳ cuối cùng được trả vào năm 2018.

(**) Khoản vay này có hạn mức là 20,8 tỷ VND, được bảo đảm bằng tài khoản Thu Tiền Xuất Khẩu và tài khoản Dự Trữ Trả Nợ của Công ty cùng với khoản vay (*) nêu trên và bất động sản với giá trị ghi sổ là 372.603 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 388.208 triệu VND) thuộc về nhà máy xay gạo hiện đang vận hành và nhà máy hình thành trong tương lai của các công ty con trong danh sách nêu ở khoản vay (*).

Khoản vay này chịu lãi suất năm bằng chi phí huy động vốn của ngân hàng cộng 3,5%, có thời gian ân hạn 1 năm và được trả hàng quý và kỳ cuối cùng được trả vào năm 2018.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Điều khoản và điều kiện của trái phiếu phát hành theo mệnh giá

| | Loại tiền | Năm đáo hạn | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|---|-----------|-------------|-------------------|-----------------|
| Trái phiếu được phát hành cho | | | | |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng | VND | 2019 | 140.000.000.000 | - |
| Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank | VND | 2019 | 72.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA (Việt Nam) | VND | 2019 | 8.000.000.000 | - |
| | | | 220.000.000.000 | - |

Các trái phiếu được bảo đảm bằng các tài sản cố định vô hình của Công ty với giá trị ghi sổ là 24.810 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh 11). Các trái phiếu này chịu lãi suất năm 8,2% cho năm đầu tiên và lãi suất huy động biên của ngân hàng cộng 2,5% cho các năm tiếp theo. Tiền lãi được trả theo kỳ 6 tháng.

22. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

| | 2017 VND | 2016 VND |
|--|------------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 47.908.590.719 | 84.567.293.971 |
| Trích từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 24) | 52.376.658.000 | 48.782.580.420 |
| Sử dụng quỹ trong năm | (62.805.353.535) | (85.441.283.672) |
| Số dư cuối năm | 37.479.895.184 | 47.908.590.719 |

23. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

| | Bảo hành xây dựng và xây lắp VND | Trợ cấp thôi việc VND | Tổng VND |
|------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 3.093.306.540 | 47.196.724.106 | 50.290.030.646 |
| Sử dụng dự phòng trong năm | (198.770.115) | (1.111.893.219) | (1.310.663.334) |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (2.726.419.754) | (7.485.719.545) | (10.212.139.299) |
| Số dư cuối năm | 168.116.671 | 38.599.111.342 | 38.767.228.013 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND | Tổng VND |
|--|--------------------|--------------------------------|---|---------------------------------|--|--|--|-------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 | 671.611.500.000 | 278.073.000.000 | 432.836.622 | 671.211.802.746 | 178.667.704.543 | 282.317.345.691 | 22.147.464.218 | 2.104.461.653.820 |
| Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con | - | - | - | - | - | - | 3.000.934.000 | 3.000.934.000 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | 347.028.067.026 | 1.715.173.565 | 348.743.240.591 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | 40.627.897.904 | 29.570.256.000 | (70.198.153.904) | - | - |
| Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi | - | - | - | - | - | (48.782.580.420) | - | (48.782.580.420) |
| Chênh lệch do quy đổi hoạt động ở nước ngoài | - | - | (56.854.663) | - | - | - | - | (56.854.663) |
| Cổ tức (Thuyết minh 26) | - | - | - | - | - | (201.483.450.000) | (1.189.437.000) | (202.672.887.000) |
| Sử dụng các quỹ | - | - | - | (25.978.326.622) | (28.681.693.087) | - | - | (28.681.693.087) |
| Hoàn nhập các quỹ | - | - | - | - | - | 25.978.326.622 | - | - |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 671.611.500.000 | 278.073.000.000 | 375.981.959 | 685.861.374.028 | 179.556.267.456 | 334.859.555.015 | 25.674.134.783 | 2.176.011.813.241 |

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Chênh lệch tỷ giá hối đổi VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND | Tổng VND |
|--|--------------------|--------------------------------|--|---------------------------------|---|--|--|-------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 | 671.611.500.000 | 278.073.000.000 | 375.981.959 | 685.861.374.028 | 179.556.267.456 | 334.859.555.015 | 25.674.134.783 | 2.176.011.813.241 |
| Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con | - | - | - | - | - | - | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | 445.923.908.804 | 194.651.259 | 446.118.560.063 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | 73.563.238.026 | 20.410.842.000 | (92.744.947.348) | (1.229.132.678) | - |
| Trích lập quỹ Khen thưởng và phúc lợi | - | - | - | - | - | (52.216.853.184) | (159.804.816) | (52.376.658.000) |
| Chênh lệch do quy đổi hoạt động ở nước ngoài | - | - | 362.412.836 | - | - | - | - | 362.412.836 |
| Cổ tức (Thuyết minh 26) | - | - | - | - | - | (201.483.450.000) | (1.658.652.954) | (203.142.102.954) |
| Sử dụng các quỹ | - | - | - | - | (25.728.779.095) | - | - | (25.728.779.095) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 671.611.500.000 | 278.073.000.000 | 738.394.795 | 759.424.612.054 | 174.238.330.361 | 434.338.213.287 | 24.821.195.594 | 2.343.245.246.091 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 31/12/2017 | | 1/1/2017 | |
|--|-------------|-----------------|-------------|-----------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 67.161.150 | 671.611.500.000 | 67.161.150 | 671.611.500.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông | 67.161.150 | 671.611.500.000 | 67.161.150 | 671.611.500.000 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông | 67.161.150 | 671.611.500.000 | 67.161.150 | 671.611.500.000 |
| <hr/> | | | | |
| | 31/12/2017 | | 1/1/2017 | |
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần của Nhà nước | 16.221.600 | 162.216.000.000 | 16.221.600 | 162.216.000.000 |
| Vốn cổ phần của Marina Viet Pte. Ltd. | 16.930.986 | 169.309.860.000 | 16.930.986 | 169.309.860.000 |
| Vốn cổ phần của Standard Chartered Singapore | 5.493.904 | 54.939.040.000 | 5.493.904 | 54.939.040.000 |
| Vốn cổ phần của các cổ đông khác | 28.514.660 | 285.146.600.000 | 28.514.660 | 285.146.600.000 |
| <hr/> | | | | |
| | 67.161.150 | 671.611.500.000 | 67.161.150 | 671.611.500.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

26. **Cổ tức**

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 28 tháng 4 năm 2017 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2016 là 201.483 triệu VND, tương đương 3.000 VND cho một cổ phiếu (2016: 201.483 triệu VND, tương đương 3.000 VND cho một cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lạc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê tài sản

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|------------------------|-------------------|-----------------|
| Trong vòng 1 năm | 8.289.893.489 | 4.229.849.838 |
| Trong vòng 2 đến 5 năm | 11.061.142.875 | 6.293.884.601 |
| Sau 5 năm | 50.244.847.200 | 12.708.342.594 |
| | 69.595.883.564 | 23.232.077.033 |
| | 69.595.883.564 | 23.232.077.033 |

(b) Ngoại tệ các loại

| | 31/12/2017 | | 1/1/2017 | |
|-------|------------|--------------------|-----------|--------------------|
| | Nguyên tệ | Tương đương VND | Nguyên tệ | Tương đương VND |
| ▪ USD | 697.295 | 15.828.608.758 | 2.408.030 | 54.531.876.643 |
| ▪ EUR | 145 | 3.922.093 | 145 | 3.467.370 |
| | | 15.832.530.851 | | 54.535.344.013 |
| | | 15.832.530.851 | | 54.535.344.013 |

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|-------------------------------------|-------------------|-----------------|
| Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng | 17.247.877.065 | 19.706.528.446 |
| | 17.247.877.065 | 19.706.528.446 |
| | 17.247.877.065 | 19.706.528.446 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

| | 2017 | 2016 |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Thuốc bảo vệ thực vật | 5.410.184.597.386 | 4.866.550.126.814 |
| ▪ Lương thực – Gạo | 2.536.236.583.384 | 2.258.184.590.499 |
| ▪ Hạt giống cây trồng | 812.182.214.973 | 629.574.845.101 |
| ▪ Bao bì | 151.943.069.330 | 163.777.575.433 |
| ▪ Xây dựng | 62.584.929.052 | 82.118.084.674 |
| ▪ Khác | 9.831.787.771 | 1.416.871.345 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 8.982.963.181.896 | 8.001.622.093.866 |
| | <hr/> | <hr/> |
| Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| ▪ Chiết khấu thương mại | (282.189.412.215) | (124.054.087.414) |
| ▪ Hàng bán bị trả lại | (13.947.324.911) | (94.519.246.777) |
| ▪ Giảm giá hàng bán | (6.750.000) | - |
| | <hr/> | <hr/> |
| | (296.143.487.126) | (218.573.334.191) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Doanh thu thuần | 8.686.819.694.770 | 7.783.048.759.675 |

29. Giá vốn hàng bán

| | 2017 | 2016 |
|---------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Tổng giá vốn hàng bán của | | |
| ▪ Thuốc bảo vệ thực vật | 3.615.068.366.019 | 3.349.127.621.681 |
| ▪ Lương thực – Gạo | 2.403.696.638.016 | 2.164.017.740.644 |
| ▪ Hạt giống cây trồng | 606.919.018.582 | 488.515.817.897 |
| ▪ Bao bì | 122.500.980.635 | 132.737.884.124 |
| ▪ Xây dựng | 50.049.191.619 | 66.561.030.529 |
| ▪ Khác | 7.578.443.763 | 461.216.211 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 6.805.812.638.634 | 6.201.421.311.086 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2017 VND | 2016 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng | 3.966.439.767 | 1.524.779.075 |
| Cổ tức | - | 1.800.000.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện | 9.974.935.284 | 21.251.842.525 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 797.035.559 | - |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 163.336.872 | 367.422.802 |
| | 14.901.747.482 | 24.944.044.402 |

31. Chi phí tài chính

| | 2017 VND | 2016 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí lãi vay | 118.815.409.284 | 114.939.772.220 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện | 10.898.778.462 | 18.051.560.697 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | - | 8.733.938.594 |
| Chiết khấu thanh toán | 279.578.618 | 387.343.601 |
| Chi phí tài chính khác | 5.994.892.872 | 7.738.033.857 |
| | 135.988.659.236 | 149.850.648.969 |

32. Chi phí bán hàng

| | 2017 VND | 2016 VND (Đã phân loại lại) |
|---------------------------------|---------------------------|--|
| Chi phí cho nhân viên | 290.301.042.123 | 293.545.500.175 |
| Chi phí quảng cáo và khuyến mãi | 310.381.157.663 | 180.339.523.512 |
| Chi phí hội nghị khách hàng | 78.249.426.301 | 36.583.014.404 |
| Chi phí vận chuyển | 51.174.554.683 | 45.392.923.971 |
| Chi phí xuất khẩu | 24.166.209.864 | 17.623.950.731 |
| Công tác phí | 43.517.786.986 | 31.777.351.976 |
| Chi phí vật liệu bao bì | 32.133.174.763 | 35.847.378.747 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 28.815.294.516 | 35.922.654.598 |
| Khấu hao và phân bổ | 14.159.347.020 | 14.120.206.482 |
| Chi phí khác | 16.418.232.687 | 13.307.336.237 |
| | 889.316.226.606 | 704.459.840.833 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2017 VND | 2016 VND (Đã phân loại lại) |
|--|---------------------------|---|
| Chi phí cho nhân viên | 175.595.736.390 | 143.375.562.011 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 25.553.894.148 | 32.753.170.070 |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 24.535.248.444 | 37.128.030.379 |
| Khấu hao và phân bổ | 22.937.499.822 | 19.882.463.788 |
| Chi phí giao tế | 20.803.259.682 | 21.712.164.363 |
| Công tác phí | 13.027.305.256 | 12.160.240.958 |
| Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | 6.873.635.077 | 6.737.272.009 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 5.512.715.747 | 9.300.908.888 |
| Chi phí khác | 25.863.432.880 | 33.014.258.494 |
| | 320.702.727.446 | 316.064.070.960 |

34. Thu nhập khác

| | 2017 VND | 2016 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Hỗ trợ từ các đối tác | 13.209.249.982 | 9.240.973.257 |
| Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang | - | 14.302.109.091 |
| Thu nhập từ khuyến mãi bán hàng và hỗ trợ bán hàng | 2.477.000 | 640.769.616 |
| Hoàn nhập dự phòng bảo hành xây dựng và xây lắp | 2.726.419.754 | 628.779.940 |
| Thu nhập khác | 3.815.575.733 | 5.318.052.307 |
| | 19.753.722.469 | 30.130.684.211 |

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | 2017 VND | 2016 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 5.651.077.385.958 | 5.492.262.145.553 |
| Chi phí nhân công | 643.035.284.030 | 548.942.353.961 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 136.205.684.873 | 122.411.203.837 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 595.791.467.765 | 425.921.001.216 |
| Chi phí khác | 246.361.750.562 | 232.287.359.955 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

| | 2017 | 2016 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thuế thu nhập hiện hành Năm hiện tại | 119.400.748.107 | 115.665.458.038 |
| Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời | 1.173.740.465 | (755.162.302) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 120.574.488.572 | 114.910.295.736 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2017 | 2016 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 566.693.048.635 | 463.653.536.327 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 113.338.609.727 | 92.730.707.265 |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con | 3.245.831.166 | 4.354.298.048 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 1.721.746.348 | 6.655.458.936 |
| Thu nhập không bị tính thuế | (547.112.496) | (360.000.000) |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không ghi nhận | 5.506.303.229 | 11.856.705.718 |
| Sử dụng lợi ích của lỗ tính thuế chưa được ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại | (2.690.889.402) | (326.874.231) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 120.574.488.572 | 114.910.295.736 |

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong năm.

Theo Công văn số 6333/BTC-TCT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài chính, các công ty TNHH Một Thành Viên mới thành lập của Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư nếu thực tế đáp ứng các điều kiện ưu đãi đầu tư. Theo đó, thuế suất áp dụng đối với các công ty TNHH Một Thành Viên như sau:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình, Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng và Công ty TNHH Một Thành Viên Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong thời gian 10 năm kể từ năm đầu hoạt động theo các điều khoản của luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các quy định hiện hành về thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 (“Nghị định 124”) của Chính phủ cho phép các công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo.

Ngoài ra, theo quy định của Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, các doanh nghiệp có thu nhập từ chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 6 tháng 8 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu các công ty con này không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong 3 năm liên tiếp từ năm đầu tiên các công ty con có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn, Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng và Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong thời gian 15 năm theo các điều khoản của luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các quy định hiện hành về thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 124 của Chính phủ cho phép các công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong năm.

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các công ty con khác có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập như sau:

- Công ty Bảo vệ thực vật An Giang – Campuchia có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong năm.
- Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang, Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ân Thịnh Điền, Công ty TNHH Một Thành Viên Cà phê Hương Vị Trời, Công ty Cổ Phần Lộc Trời Miền Bắc và Công ty TNHH Trích ly dầu cám Vĩnh Hòa có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 67.161.150 cổ phiếu (2016: 67.161.150 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

| | 2017 | 2016 |
|--|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận thuần trong năm | 445.923.908.804 | 347.028.067.026 |
| Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | 66.888.586.321 | 52.054.210.054 |
| | 379.035.322.483 | 294.973.856.972 |

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính bằng 15% lợi nhuận thuần trong năm của Tập đoàn. Tỷ lệ này bằng với tỷ lệ phân bổ được các cổ đông phê duyệt trong các năm trước.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

| | 2017 | 2016 |
|---|-----------------|-----------------|
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu |
| Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm | 67.161.150 | 67.161.150 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 1 tháng 1 năm 2017, Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng nên việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | 2017 | 2016 |
|--|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc | | |
| Tiền lương và thưởng | 14.840.720.000 | 22.687.877.600 |
| Thành viên Ban Kiểm soát | | |
| Thù lao | 4.697.471.967 | 5.465.355.341 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và tài chính

| | 2017 VND | 2016 VND |
|-----------------------|-------------|-------------|
| Lãi tiền gửi phải thu | 543.603.438 | - |

40. Số liệu so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

| | Mã số | 1/1/2017 VND (đã phân loại lại) | 1/1/2017 VND (theo báo cáo trước đây) |
|----------------------------------|-------|--|--|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 1.721.567.399.228 | 1.693.704.929.730 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 101.678.865.652 | 129.541.335.150 |

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

| | Mã số | 2016 VND (đã phân loại lại) | 2016 VND (theo báo cáo trước đây) |
|------------------------------|-------|--------------------------------------|--|
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.201.421.311.086 | 6.167.135.697.085 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 704.459.840.833 | 627.866.999.550 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 316.064.070.960 | 426.942.526.244 |

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Tấn Hoàng
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Huỳnh Văn Thôn
Tổng Giám đốc